

Bản án số: 14/2024/DS-ST
Ngày 22-8-2024
V/v tranh chấp về thừa kế tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN LÃO, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Nhạn.

- Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Thắng

Ông Vũ Văn Thôn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Gấm - Thư ký Tòa án nhân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Trần Công Tài - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 25/2024/TLST-DS, ngày 09 tháng 5 năm 2024 về việc “Tranh chấp về thừa kế tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 702/2024/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 7 năm 2024; Thông báo về việc thay đổi thời gian xét xử số 773/2024/TB -TA ngày 16 tháng 8 năm 2024 giữa:

- Nguyên đơn: Cụ Trịnh Xuân T, địa chỉ: Thôn B, xã M, huyện A, thành phố Hải Phòng; có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Chị Trịnh Thị L, địa chỉ: Tổ 3, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thái Bình; có mặt.

- Bị đơn: Ông Trịnh Xuân C, địa chỉ: Thôn B, xã M, huyện A, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Trịnh Xuân T1, địa chỉ: Thôn B, xã M, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có đơn đề nghị vắng mặt).

2. Ông Trịnh Xuân T2, địa chỉ: Thôn B, xã M, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có đơn đề nghị vắng mặt).

3. Ông Trịnh Xuân T3, địa chỉ: Tổ 17 Tiền Phong, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình; vắng mặt (có đơn đề nghị vắng mặt).

4. Ông Trịnh Xuân H, địa chỉ: Tổ 8 Hương Sơn, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên; vắng mặt (có đơn đề nghị vắng mặt).

5. Bà Trịnh Thị T, địa chỉ: Thôn B, xã M, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có đơn đề nghị vắng mặt).

6. Bà Trịnh Thị L, địa chỉ: Thôn B, xã M, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có đơn đề nghị vắng mặt).

7. Bà Trịnh Thị T1, địa chỉ: Thôn Mẫn Xá, xã Yên Môn, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh; vắng mặt (có đơn đề nghị vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26 tháng 4 năm 2024 và các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện An Lão, cụ Trịnh Xuân T và người đại diện theo uỷ quyền là chị Trịnh Thị L thống nhất trình bày:

Cụ T và cụ Nguyễn Thị C kết hôn với nhau sinh được 08 người con là các ông bà: Trịnh Xuân T1, Trịnh Xuân T2, Trịnh Xuân T3, Trịnh Xuân C, Trịnh Xuân H, Trịnh Thị T, Trịnh Thị L và Trịnh Thị T1. Ngoài ra Cụ T và cụ C không còn bất kỳ người con chung, con nuôi, con riêng nào khác. Hai cụ có diện tích đất tại thửa số 18, tờ bản đồ 267-D-I tại Thôn B, xã M, huyện A, thành phố Hải Phòng cho vợ chồng con trai là ông Trịnh Xuân C ở nhờ và đã xây nhà trên đất. Sau đó hai cụ muốn xây nhà thờ trên phần đất trống còn lại nhưng vợ chồng ông C không trả. Năm 2021, hai cụ đã khởi kiện yêu cầu ông Trịnh Xuân C và vợ là bà Đỗ Thị N phải trả lại diện tích đất tại thửa số 18, tờ bản đồ 267-D-I tại Thôn B, xã M, huyện A, thành phố Hải Phòng. Tại Bản án số 01/2021/DSST ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện An Lão và Bản án số 31/2021/DS-PT ngày 16 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng tuyên xử ông Trịnh Xuân C và bà Đỗ Thị N trả lại cụ Trịnh Xuân T và cụ Nguyễn Thị C diện tích đất 142,7m² tại thửa số 18, tờ bản đồ 267-D-I tại Thôn B, xã M, huyện A, thành phố Hải Phòng. Bản án có hiệu lực pháp luật, Cụ T và cụ C đã yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự huyện An Lão thi hành bản án. Tuy nhiên trong thời gian làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì cụ Nguyễn Thị C chết ngày 21 tháng 02 năm 2022, không để lại di chúc. Nay cụ Trịnh Xuân T có đơn khởi kiện chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn

Thị C để lại là $\frac{1}{2}$ diện tích đất 142,7m² tại thửa đất số 18, tờ bản đồ 267-D-I tại Thôn B, xã M, huyện A, thành phố Hải Phòng. Cụ T đề nghị được nhận hiện vật là đất và tính giá trị đất trả cho các đồng thừa kế khác. Trường hợp các đồng thừa kế nhận phần tài sản thừa kế của cụ C, ai tặng cho cụ thì cụ đồng ý nhận.

Bị đơn ông Trịnh Xuân C trình bày: Ông C là con trai của cụ Trịnh Xuân T và cụ Nguyễn Thị C. Hai cụ sinh được 08 người con như Cụ T trình bày. Ngoài ra hai cụ không còn bất kỳ người con đẻ, con nuôi, con chung, con riêng nào khác. Cụ T và cụ C có diện tích đất tại thửa đất số 18, tờ bản đồ 267-D-I tại Thôn B, xã M, huyện A, thành phố Hải Phòng và đã cho ông và vợ là bà Đỗ Thị N. Tuy nhiên đến năm 2021, hai cụ khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông trả diện tích đất trên. Tại Bản án số 01/2021/DSST ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện An Lão và Bản án số 31/2021/DS-PT ngày 16 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng tuyên xử vợ chồng ông trả lại Cụ T và cụ C diện tích đất 142,7m² tại thửa đất số 18, tờ bản đồ 267-D-I tại Thôn B, xã M, huyện A, thành phố Hải Phòng. Hai cụ đã yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự huyện An Lão thi hành xong. Trong thời gian làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì cụ Nguyễn Thị C chết ngày 21 tháng 02 năm 2022, không để lại di chúc. Nay cụ Trịnh Xuân T khởi kiện chia tài sản thừa kế của cụ Nguyễn Thị C để lại là $\frac{1}{2}$ diện tích đất 142,7m² tại thửa đất số 18, tờ bản đồ 267-D-I tại Thôn B, xã M, huyện A, thành phố Hải Phòng. Trong quá trình giải quyết vụ án ông C không đồng ý chia di sản thừa kế của cụ C, diện tích đất của 02 cụ thì Cụ T cứ sử dụng hoặc xây nhà thờ. Tại phiên tòa ông C nhất trí chia tài sản thừa kế của cụ C và phần tài sản thừa kế ông C được hưởng ông tự nguyện tặng cho cụ Trịnh Xuân T.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Trịnh Xuân T1, ông Trịnh Xuân T2, ông Trịnh Xuân T3, ông Trịnh Xuân H, bà Trịnh Thị T, bà Trịnh Thị L và bà Trịnh Thị T1 có lời khai trình bày: Các ông, bà thống nhất ý kiến như lời khai của cụ Trịnh Xuân T trình bày. Đối với phần tài sản thừa kế của cụ Nguyễn Thị C mà các ông bà được nhận, các ông bà tự nguyện tặng lại cho cụ Trịnh Xuân T.

Tại phiên tòa đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Lão phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến khi xét xử của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đã đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án, diễn biến tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Các điều 609, 610, 611, 612, 613, 614, 623, 649, 650, 651 Bộ luật Dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12

năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của cụ Trịnh Xuân T; giao cho cụ Trịnh Xuân T được sử dụng 141,7m² đất tại thửa đất số 18, tờ bản đồ 267-D-I tại Thôn B, xã M, huyện A, thành phố Hải Phòng. Về án phí: Đề nghị miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm cho cụ Trịnh Xuân T, ông Trịnh Xuân T1, ông Trịnh Xuân T2, ông Trịnh Xuân T3. Cụ Trịnh Xuân T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm cho ông Trịnh Xuân C, Trịnh Xuân H, Trịnh Thị T, Trịnh Thị L và Trịnh Thị T1 theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Quan hệ tranh chấp trong vụ án dân sự được xác định là tranh chấp về thừa kế tài sản. Bị đơn ông Trịnh Xuân C có nơi cư trú tại: Thôn B, xã M, huyện A, thành phố Hải Phòng, theo quy định tại khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thẩm quyền giải quyết tranh chấp thuộc Tòa án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Trịnh Xuân T1, ông Trịnh Xuân T2, ông Trịnh Xuân T3, ông Trịnh Xuân H, bà Trịnh Thị T, bà Trịnh Thị L và bà Trịnh Thị T1 vắng mặt tại phiên tòa nhưng đều có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trên.

[3] Về chia di sản thừa kế: Tại Bản án số 31/2021/DS-PT ngày 16 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng tuyên xử vợ chồng ông Trịnh Xuân C, bà Đỗ Thị N trả lại cụ Trịnh Xuân T và cụ Nguyễn Thị C diện tích đất 142,7m² tại thửa đất số 18, tờ bản đồ 267-D-I tại Thôn B, xã M, huyện A, thành phố Hải Phòng. Bản án đã có hiệu lực pháp luật, Cụ T và cụ C đã đề nghị Cơ quan thi hành án dân sự thi hành xong và làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ngày 21 tháng 02 năm 2022 cụ Nguyễn Thị C chết không để lại di chúc. Ngày 26 tháng 4 năm 2024, cụ Trịnh Xuân T khởi kiện chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn Thị C là 1/2 diện tích đất 142,7m² tại thửa đất số 18, tờ bản đồ 267-D-I theo quy định của pháp luật. Tại kết quả xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản ngày 13 tháng 6 năm 2024, đo đạc thực tế thửa đất số 18, tờ bản đồ 267-D-I có diện tích là 141,7m² đất, Cụ T chấp nhận, trên đất không có công trình xây dựng, cây cối gì, giá trị quyền sử dụng đất là 4.000.000đ/m². Theo quy định tại Điều 33 Luật Hôn nhân và gia đình xác định tài sản chung của Cụ T và cụ C là 141,7m² đất. Tài sản chung của hai cụ trị giá là: 141,7m² x 4.000.000đ =

566.800.000 đồng. Phần tài sản của Cụ T được chia là: $141,7\text{m}^2 : 2 = 70,85\text{m}^2$. Đối với diện tích đất $70,85\text{m}^2$ là tài sản thừa kế của Cụ C chia theo quy định pháp luật.

[4] Về hàng thừa kế: Những người được hưởng thừa kế của cụ Nguyễn Thị C gồm: Cụ Trịnh Xuân T và 08 người con chung của Cụ T và cụ C là: Ông Trịnh Xuân T1, ông Trịnh Xuân T2, ông Trịnh Xuân T3, ông Trịnh Xuân C, ông Trịnh Xuân H, bà Trịnh Thị T, bà Trịnh Thị L và bà Trịnh Thị T1. Căn cứ Điều 651 Bộ luật Dân sự, Hội đồng xét xử xác định những người thừa kế để chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn Thị C.

[5] Về phân chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn Thị C: Di sản thừa kế của cụ C để lại là $70,85\text{m}^2$ đất tại thửa đất số 18, tờ bản đồ 267-D được chia cho Cụ T và 08 người con. Như vậy mỗi suất thừa kế được hưởng là: $70,85\text{m}^2 : 9 \text{ người} = 7,87\text{m}^2$ (đã làm tròn) $\times 4.000.000\text{đ}/\text{m}^2 = 31.480.000$ đồng. Cụ T đề nghị được nhận thừa kế bằng hiện vật là đất; ông Trịnh Xuân T1, ông Trịnh Xuân T2, ông Trịnh Xuân T3, ông Trịnh Xuân C, ông Trịnh Xuân H, bà Trịnh Thị T, bà Trịnh Thị L và bà Trịnh Thị T1, mỗi người được hưởng tài sản thừa kế của cụ C là $7,87\text{m}^2$ đất nhưng đều tự nguyện tặng suất thừa kế của mình cho Cụ T. Do vậy, phần tài sản chung của Cụ T được sử dụng là $70,85\text{m}^2$, Cụ T được chia tài sản thừa kế của cụ C là $7,87\text{m}^2$ đất và Cụ T được nhận toàn bộ phần tài sản thừa kế của các con tặng cho cụ, cụ thể: $70,85\text{m}^2 + 7,87\text{m}^2 + (8 \text{ người} \times 7,87\text{m}^2) = 141,7\text{m}^2$ đất (đã làm tròn). Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự. Giao cho cụ Trịnh Xuân T toàn quyền sử dụng $141,7\text{m}^2$ đất tại thửa đất số 18, tờ bản đồ 267-D-I tại Thôn B, xã M, huyện A, thành phố Hải Phòng.

[6] Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn cụ Trịnh Xuân T nhận nộp toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài là 5.600.000đ (*năm triệu sáu trăm nghìn đồng*), không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Nguyên đơn cụ Trịnh Xuân T, sinh năm 1931 và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Trịnh Xuân T1, sinh năm 1957; ông Trịnh Xuân T2, sinh năm 1959; ông Trịnh Xuân T3, sinh năm 1961 đều đã trên 60 tuổi theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 đều thuộc trường hợp miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn ông Trịnh Xuân C và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Trịnh Xuân H, bà Trịnh Thị T, bà Trịnh Thị L và bà Trịnh Thị T1 mỗi người phải chịu án phí tương ứng với phần tài sản thừa kế mà mình được hưởng là: $31.480.000 \text{ đồng} \times 5\% = 1.574.000$ đồng. Do Trịnh Xuân C, ông Trịnh Xuân H, bà Trịnh Thị T, bà Trịnh Thị L và bà Trịnh Thị T1 tặng cho cụ Trịnh Xuân T suất thừa kế của mình nên cụ Trịnh Xuân T phải chịu phần án phí của các ông bà này là: $1.574.000 \text{ đồng} \times 5 = 7.870.000\text{đ}$ (*bảy triệu tám trăm bảy mươi nghìn đồng*).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, c khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 33 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 611; Điều 612; Điều 613; Điều 623; Điều 649, Điều 650, điểm a khoản 1 và khoản 2 Điều 651 Bộ luật Dân sự.

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 7 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của cụ Trịnh Xuân T,

Giao cho cụ Trịnh Xuân T được sử dụng 141,7m² đất tại thửa đất số 18, tờ bản đồ 267-D-I tại Thôn B, xã M, huyện A, thành phố Hải Phòng (*có sơ đồ thửa đất kèm theo*).

Cụ Trịnh Xuân T có quyền và nghĩa vụ liên hệ với Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để thực hiện quyền và nghĩa vụ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí:

- Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho cụ Trịnh Xuân T, ông Trịnh Xuân T1, ông Trịnh Xuân T2, ông Trịnh Xuân T3.

- Cụ Trịnh Xuân T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 7.870.000đ (*bảy triệu tám trăm bảy mươi nghìn đồng*).

3. Về quyền kháng cáo bản án:

Nguyên đơn cụ Trịnh Xuân T và bị đơn ông Trịnh Xuân C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSNDTP. Hải Phòng;
- VKSND huyện An Lão;
- Chi cục THADS huyện An Lão;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Nhạn

